

Bản án số:179/2024/DS-PT

Ngày: 29/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyên, bà Triệu Thị Luyện.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLPT- DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2024/QĐ-PT ngày 31/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2024/QĐ-PT ngày 21/8/2024 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Lê Văn N1, sinh năm 1979. (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Vũ Văn M, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và anh Lê Văn N1 là bạn bè ở hai xóm giáp nhau. Ngày 12/12/2023, anh N1 có hỏi vay bà số tiền 43.500.000 đồng để xử lý công việc cá nhân, bà

đồng ý cho vay. Cùng ngày, bà trực tiếp mang tiền xuống nhà anh N1 cho anh N1 vay, bà là người viết giấy biên nhận vay tiền, anh N1 ký tên và điểm chỉ vào phần người vay tiền. Hai bên không thoả thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng (kể từ ngày 12/12/2023 đến ngày 20/02/2024). Đến thời hạn thanh toán nợ (ngày 20/02/2024) bà có thông báo yêu cầu anh N1 phải trả số nợ trên nhưng anh N1 khất lần không trả.

Bà yêu cầu cá nhân anh N1 phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 43.500.000 đồng, bà không yêu cầu anh N1 phải trả các loại lãi, chỉ yêu cầu Tòa án tuyên lãi chậm trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lê Văn N1 trình bày:

Anh và bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết xã hội nên vào khoảng tháng 8/2023, anh có hỏi vay bà N số tiền là 43.500.000 đồng để trang trải việc vay nợ của cá nhân, bà N đồng ý cho vay. Thời điểm vay vì là chỗ chị em thân thiết nên bà N cho anh vay không viết giấy biên nhận vay tiền. Đến ngày 12/12/2023, bà N lập hợp đồng vay tiền đối với số nợ trên và yêu cầu anh ký xác nhận. Anh xác nhận chữ ký và dấu tay điểm chỉ ở phần người vay tiền trong hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2023 là của anh, còn nội dung bên trên là do bà N tự ghi. Khi vay tiền, anh và bà N không thoả thuận về lãi suất, hai bên thoả thuận về thời hạn trả nợ là khi nào chị N cần tiền thì thông báo trước cho anh 03 tháng để anh có thời gian thu xếp trả nợ.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng, anh xác nhận có nợ bà N số tiền trên nhưng do hiện tại điều kiện kinh tế của anh còn khó khăn nên anh xin trả dần số tiền trên với mức 1.500.000 đồng/tháng.

Việc vay nợ của bà N là vay của cá nhân anh, không liên quan đến vợ anh (anh đã ly hôn với vợ từ ngày 13/1/2015) và không liên quan đến bất kỳ ai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Ông M không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc anh Lê Văn N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Văn M số tiền nợ gốc là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Anh N1 phải chịu 2.175.000đ (Hai triệu một trăm bảy lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2024, bị đơn anh Lê Văn N1 nộp đơn kháng cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là anh Lê Văn N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Bị đơn anh Lê Văn N1 trình bày:* Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, tôi đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng mỗi tháng tôi trả cho chị N 1.500.000 đồng vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình tôi rất khó khăn, nếu trả một lúc với số tiền 43.500.000 đồng thì tôi không có điều kiện để trả. Tôi cũng mong muốn được thỏa thuận với chị N nội dung như trên.

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Tôi đồng ý với ý kiến của anh N1 về việc trả nợ như trên nhưng tôi yêu cầu trả vào ngày 20 hàng tháng (dương lịch), bắt đầu từ ngày 20 tháng 9 năm 2024, anh N1 trả cho tôi mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 43.500.000 đồng. Nếu anh N1 vi phạm bất kỳ thời gian trả nợ nào thì tôi có quyền đề nghị thi hành án đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại.

- *Bị đơn anh Lê Văn N1 trình bày:* Tôi đồng ý với ý kiến của chị N.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn N1. Sửa bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Văn N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định vào ngày 12/12/2023, giữa bà N và anh N1 có lập hợp đồng vay tiền có nội dung ghi nhận số tiền anh N1 nợ bà N là 43.500.000 đồng, hai bên không thoả thuận lãi suất. Đây là những tình tiết thống nhất, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định có việc anh N1 vay bà N số tiền 43.500.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2023.

HĐXX thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản ngày 12/12/2023 có nội dung rõ ràng, hình thức phù hợp với quy định hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung hợp đồng thoả thuận về thời hạn thanh toán là 02 tháng (kể từ ngày 12/12/2023 đến ngày 20/02/2024) nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Về lãi suất, trong hợp đồng vay tiền không ghi thoả thuận lãi suất, hai bên đều xác định không thoả thuận lãi suất đối với số tiền vay. Do đó cấp sơ thẩm xác định đây là trường hợp vay không có lãi.

Anh N1 trình bày đã ly hôn vợ từ năm 2015, anh xác định đây là khoản vay cá nhân của anh không liên quan gì đến vợ anh hay bất kỳ ai. Do anh N1 đã không trả được nợ cho vợ chồng bà N khi khoản vay đến hạn. Do vậy tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc anh N1 phải trả cho vợ chồng bà và ông M số tiền đã vay 43.500.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh N1 kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để anh trả dần cho bà N mỗi tháng 1.500.000 đồng vì lý do kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Lê Văn N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Văn M số tiền nợ gốc là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Mỗi tháng trả 1.500.000 đồng. Thời gian trả nợ vào ngày vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/9/2024.

Đối với sự thoả thuận nêu trên của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và

không trái đạo đức xã hội. Do vậy kháng cáo của anh Lê Văn N1 là có căn cứ nên được chấp nhận. HĐXX cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đã nêu trên.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn N1 phải chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ vào khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn N1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc anh Lê Văn N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Văn M số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về thời hạn trả nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh Lê Văn N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Văn M mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng. Thời gian trả vào ngày 20 (Đương lịch) hàng tháng, bắt đầu vào ngày 20/9/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Án phí DSST: Anh Lê Văn N1 phải chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí DSPT: Anh Lê Văn N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0007668 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh N1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hùng